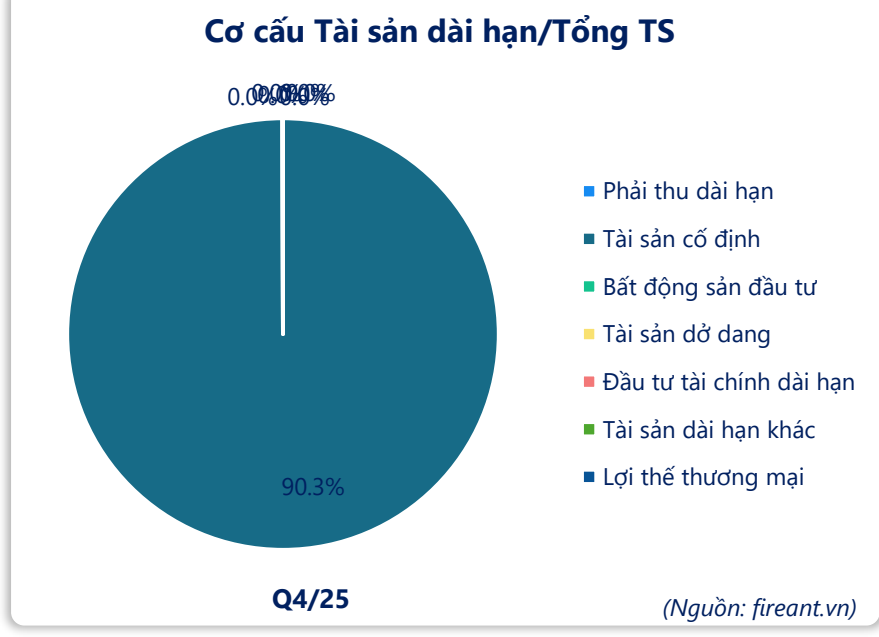
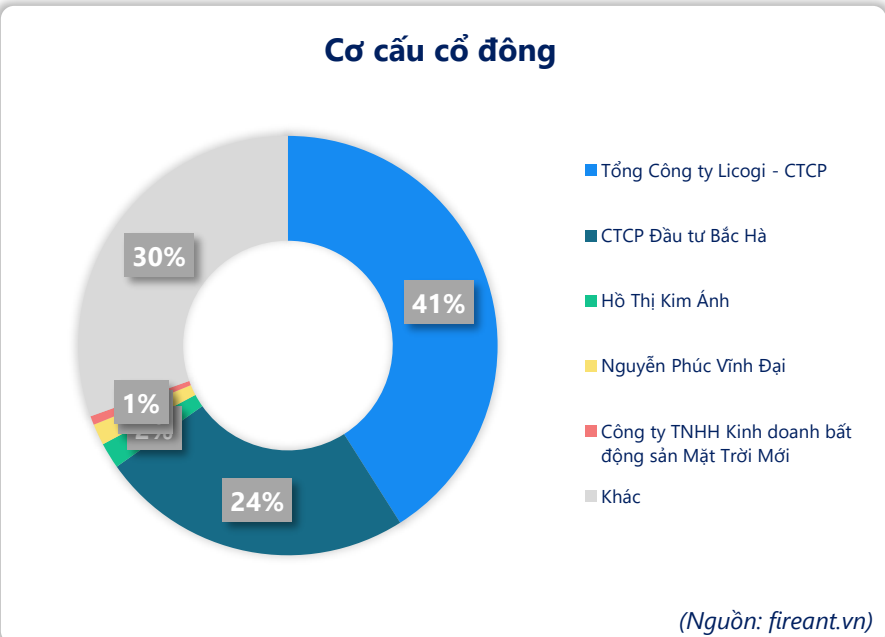
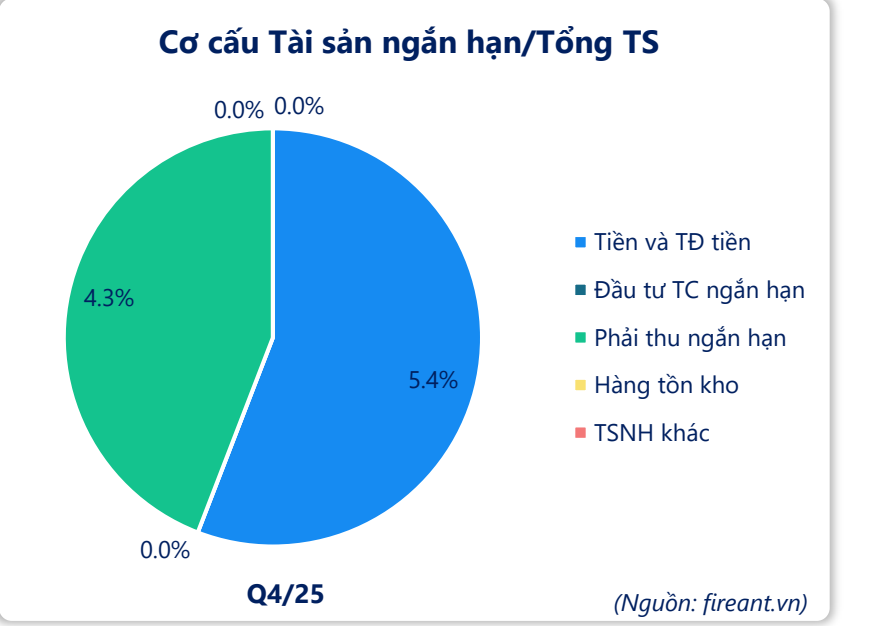
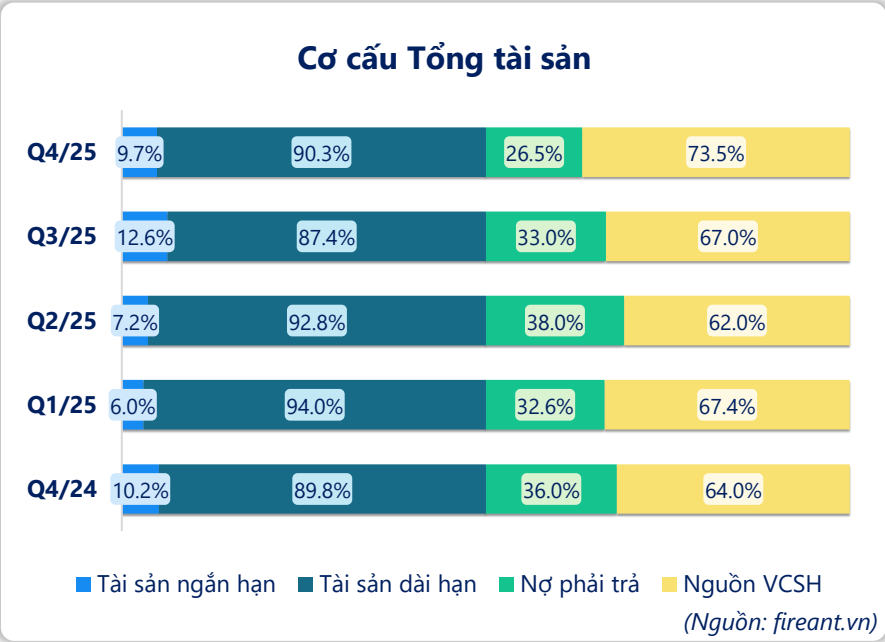
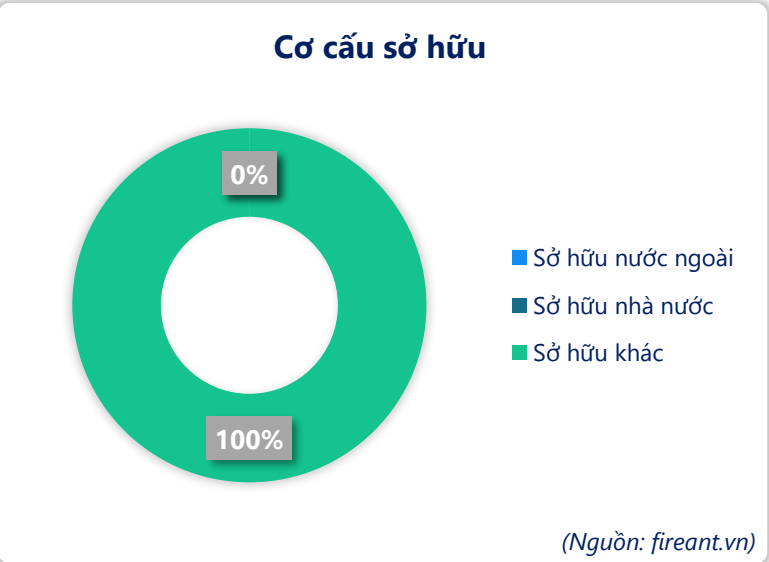
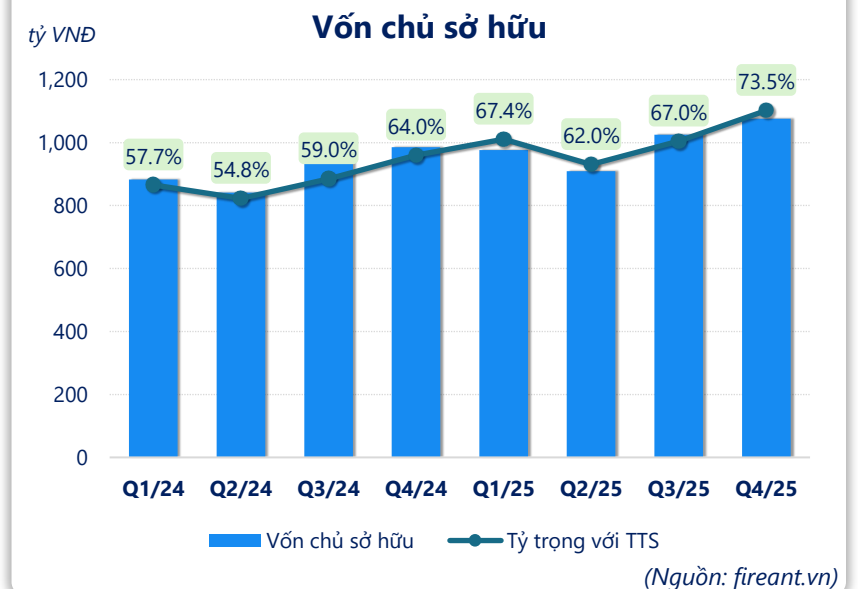
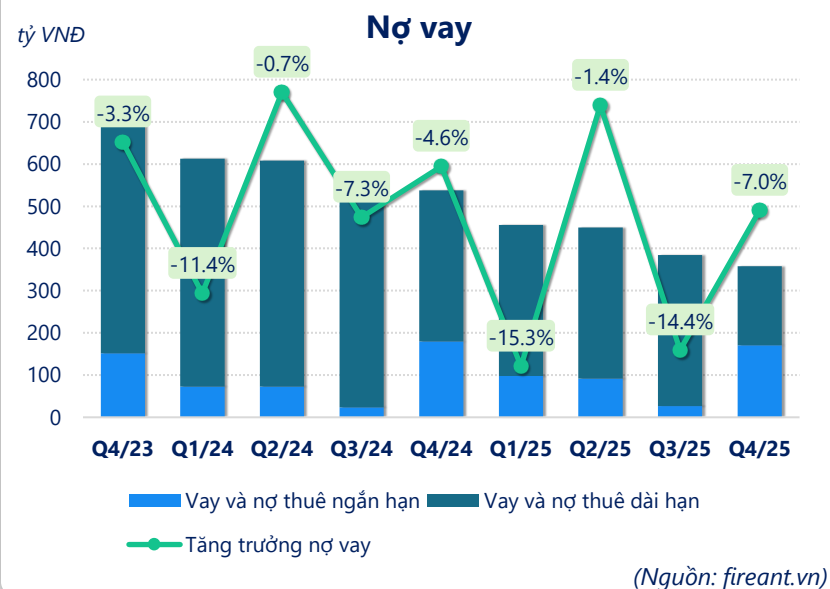
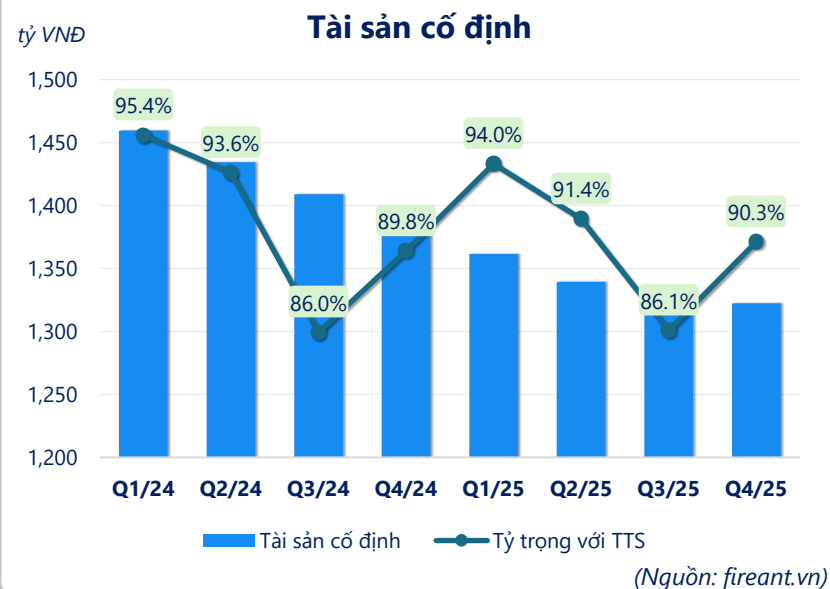
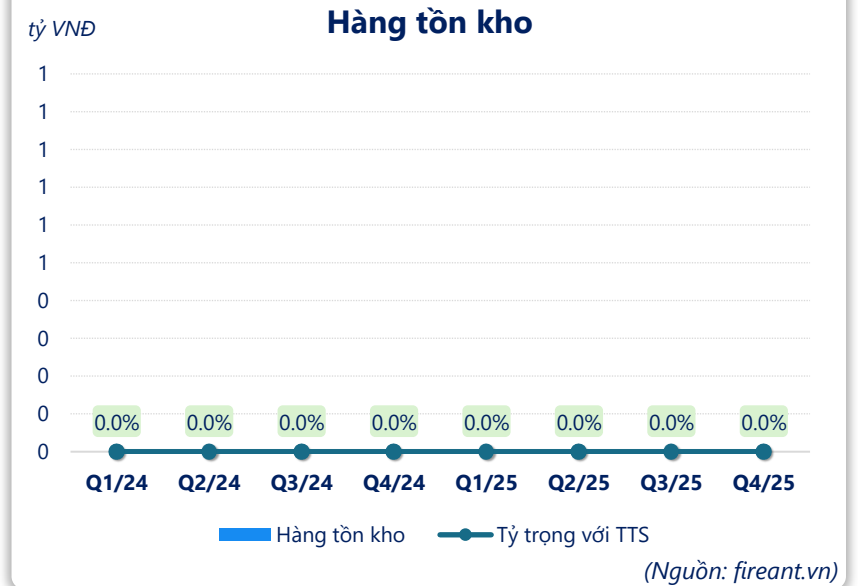
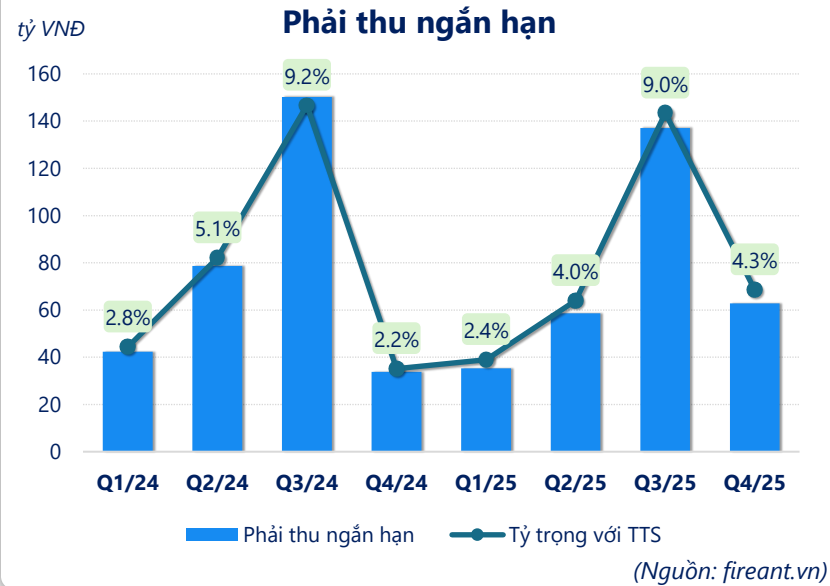
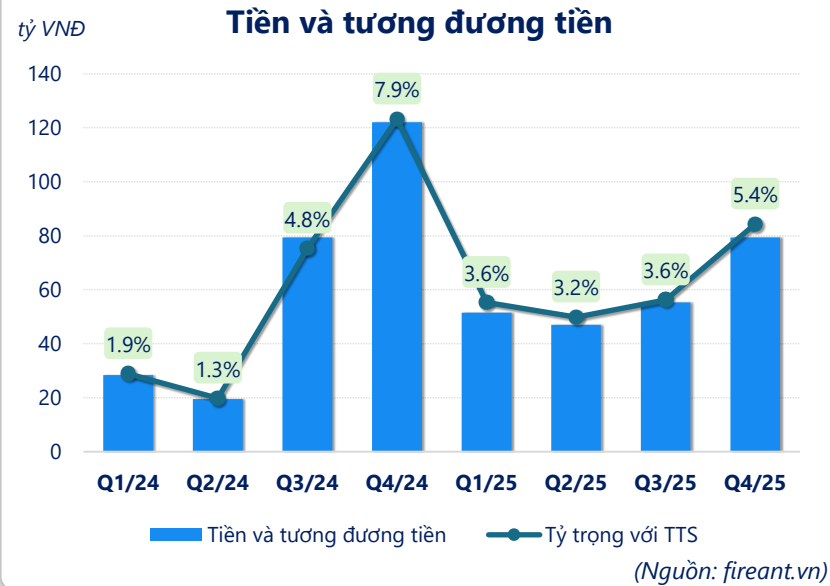
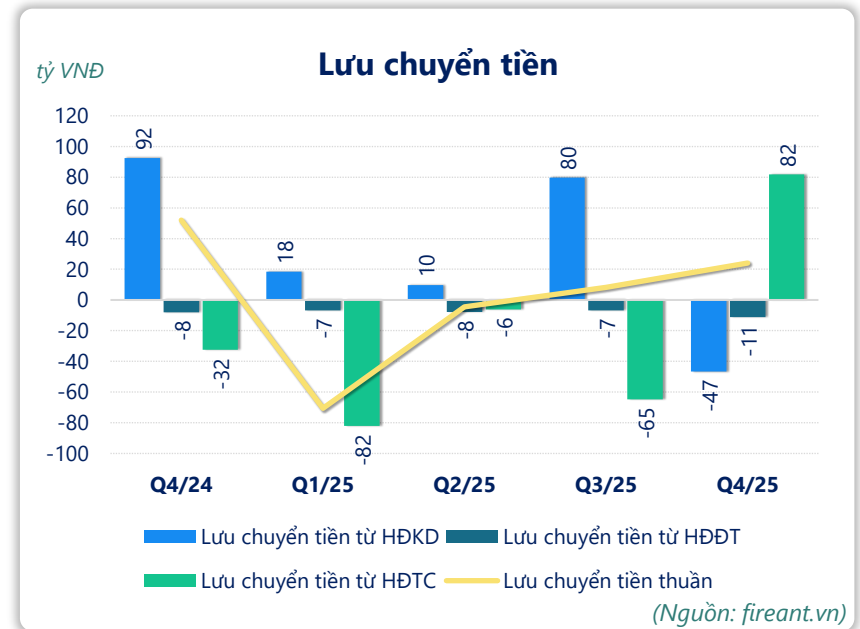
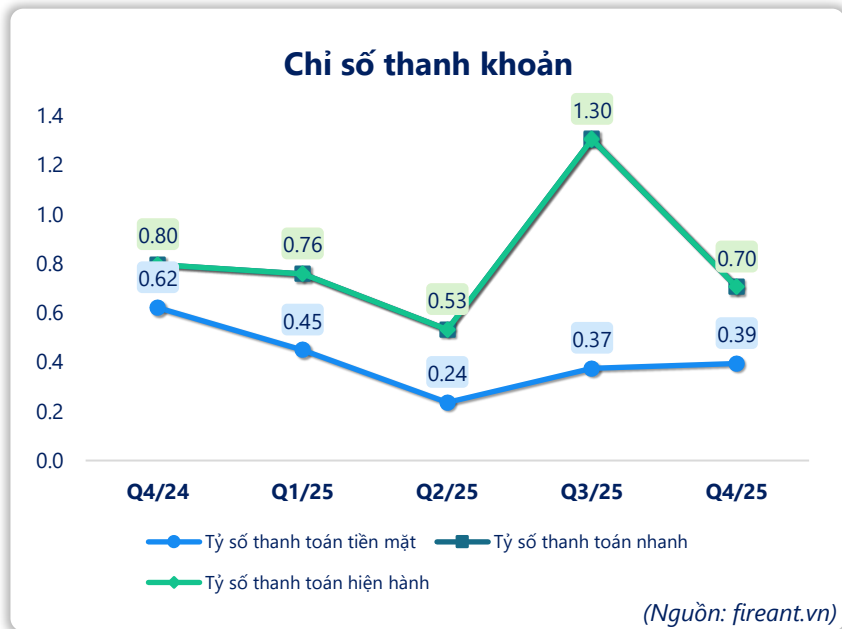
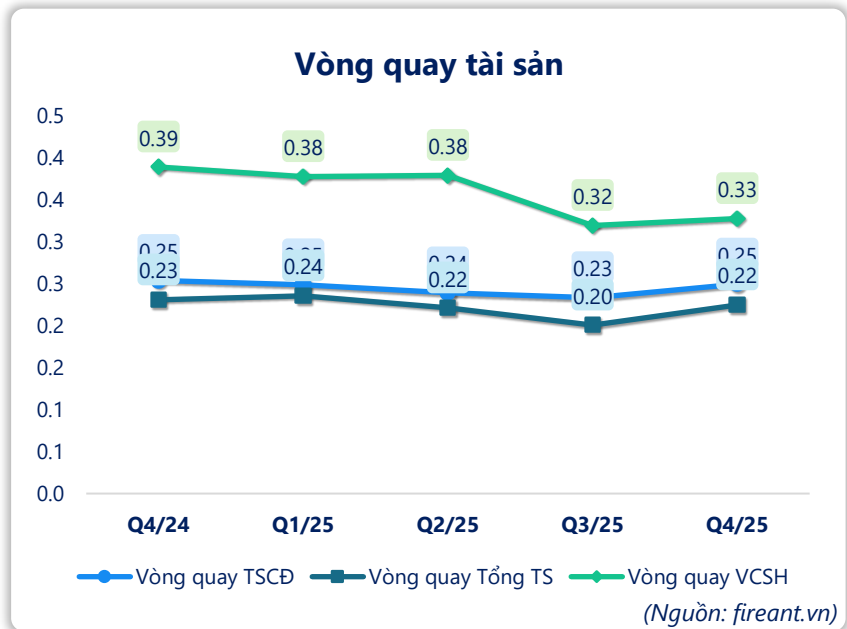
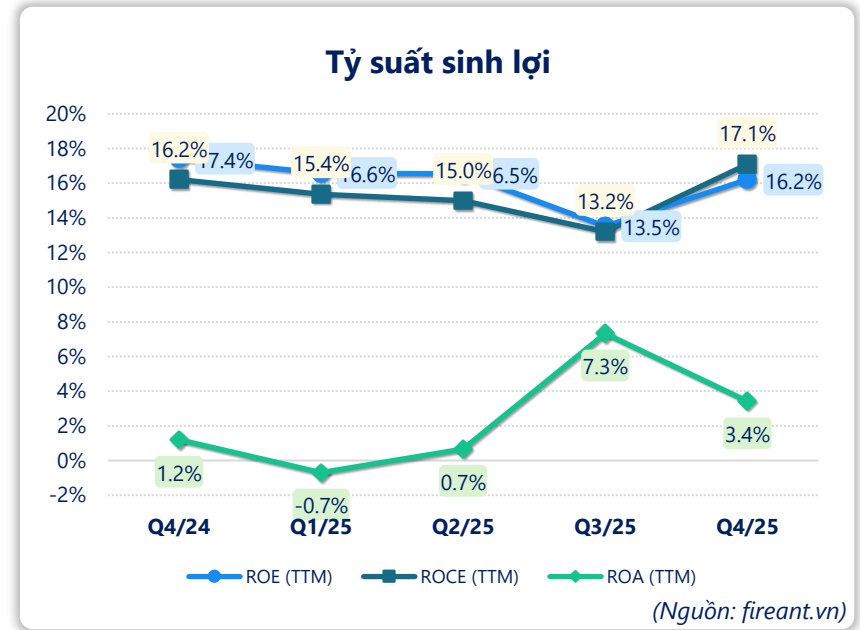
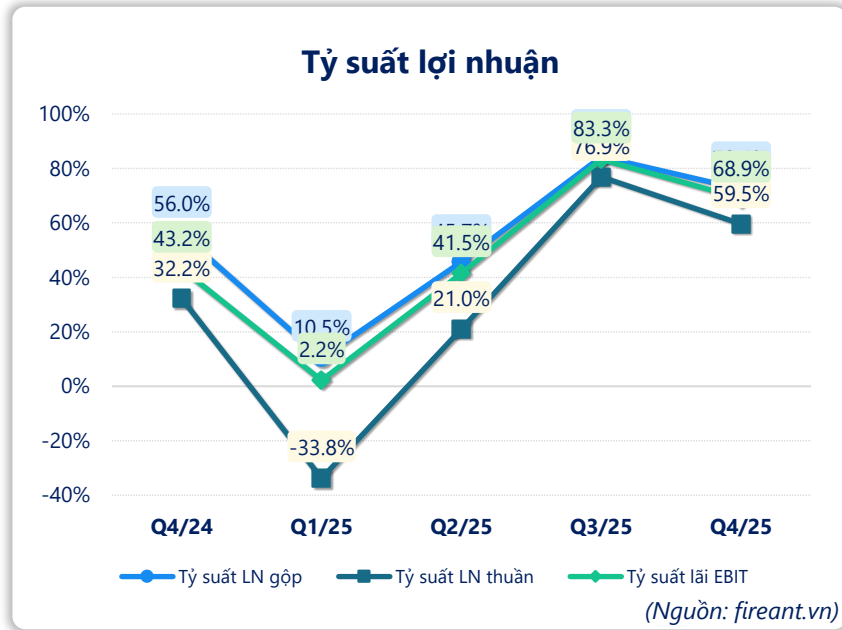
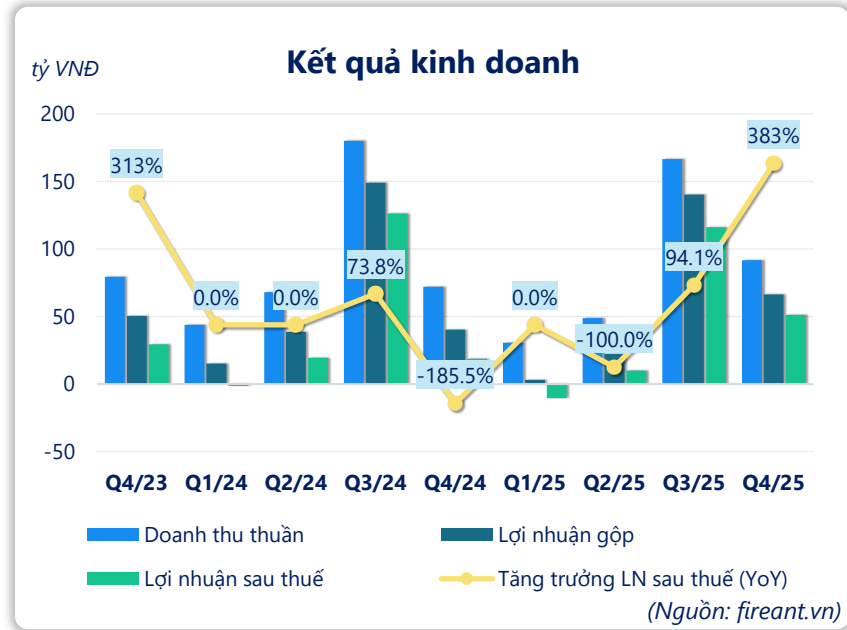


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,785
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,200
SL cổ phiếu LH		66,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		740
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,518
P/E		9.1
EPS		2,531

	YTD	1T	3T	6T
BHA	8.5%	-14.8%	-4.5%	-9.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,465	1,540	-4.9%
Tài sản ngắn hạn	142	156	-9.1%
Tiền và tương đương tiền	79.4	122	-34.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	62.8	33.9	85.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.55	-100%
Tài sản dài hạn	1,323	1,384	-4.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,322	1,384	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.38	0.02	1700%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	389	554	-29.8%
Nợ ngắn hạn	202	196	2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	171	180	-5.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.65	1.33	326%
Nợ dài hạn	187	358	-47.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	187	358	-47.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,076	986	9.1%
Vốn chủ sở hữu	1,076	986	9.1%
Vốn điều lệ	660	660	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	72.1	30.6	48.8	167	91.7
Giá vốn hàng bán	31.7	27.4	26.5	26.2	25.3
Lợi nhuận gộp	40.3	3.21	22.3	140	66.4
Doanh thu HĐTC	0.40	0.62	0.29	0.27	0.19
Chi phí TC	13.4	11.0	10.2	9.72	8.78
Chi phí lãi vay	13.4	11.0	10.2	9.72	8.78
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	3.14	-3.14	0	0
Chi phí QLDN	4.14	0	5.26	2.87	3.21
LN thuần từ HĐKD	23.2	-10.3	10.3	128	54.6
Lợi nhuận khác	-5.48	-0.01	-0.19	0.96	-0.16
LN trước thuế	17.7	-10.3	10.1	129	54.4
Lợi nhuận sau thuế	18.8	-10.3	10.1	116	51.3
LNST của CĐ cty mẹ	18.8	-10.3	10.1	116	51.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	92.5	18.3	9.64	79.8	-46.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.11	-6.74	-7.85	-6.70	-11.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.4	-82.2	-6.26	-64.7	81.8
Tiền đầu kỳ	70.0	122	51.5	47.0	55.3
Lưu chuyển tiền thuần	52.0	-70.6	-4.47	8.31	24.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	122	51.5	47.0	55.3	79.4

(Nguồn: fireant.vn)